

## Làm thế nào để đưa ra rác /tách rác

Choshi City Hall

Người tiêu dùng và Phòng Bảo vệ môi trường

Số điện thoại 2 4 - 8 1 8 1 (tiêu biểu)

銚子市役所

生活環境課

電話 2 4 - 8 1 8 1 (代表)

## ごみの出し方/分け方

Cố định túi rác để sử dụng、 vứt bỏ tại địa điểm chỉ định

Nó không thu khác ngoài túi được chỉ định

Bán quy định túi rác là một siêu thị, tại một cửa hàng tiện lợi

Tài liệu tham khảo trở lại

銚子市の指定した、それぞれのごみの専用のごみ袋（指定ごみ袋）で、町内の決められたごみ集積場所に出してください。指定ごみ袋以外で出されたごみは収集いたしません。

指定ごみ袋は、銚子市指定ごみ袋取扱所でごみ処理手数料をお支払いしていただきますと交付されます。

収集日については、裏面を参照にしてください。

Loại chất thải ごみの種類		Ghi chú 出し方の注意
chất thải dễ cháy 可燃ごみ	Chất thải thực phẩm, giấy thải, Chất thải gỗ, Hàng da, Sản phẩm nhựa vinyl 生ごみ・紙くず・木くず・革製品・ビニール製品など	cắt giảm đến 30 cm 長いものは、30cm 以内にしてください。
Nonburnable 不燃ごみ	đồ dùng trên bàn, nồi, ấm đun nước, ly 皿・茶わん・なべ・やかん・ガラスなど	Bọc trong giấy 鋭利なものは、危険ですので紙に包むなどして出してください。
thùng rác ビン	Đối với thực phẩm và đồ uống ガラス製で、飲料用・食料用のビン	Rửa sạch và khô 中を水ですすぎ、キャップをはずしてから出してください。
Lon カン	Đối với thực phẩm và đồ uống 鉄・アルミ製で、飲料用・食料用のカン	Rửa sạch và khô 中を水ですすいでから出してください。
Chai IQ bằng nhựa ペットボトル	Đối với thực phẩm và đồ uống 飲物、しょうゆのペットボトル	Rửa sạch và khô, Lấy nắp và nhãn 中を水ですすぎ、キャップやラベルをはずし、つぶしてから出してください。
Đồ đựng bằng nhựa và bao bì プラスチック製容器包装	 Những người được đánh dấu マークのあるもの	Rửa sạch và khô, Lấy nắp và nhãn Nếu không, chất thải dễ cháy 中身を残さないようにして、水ですすいでから出してください。 汚れているものは、可燃ごみになります。
báo 新聞	quảng cáo kèm theo 新聞や新聞といっしょに入ってくるチラシ	Đầu với chuỗi tie 新聞は、二つ折り又は四つ折りサイズにたたみ、ひも等で十文字に束ねて出してください。
tạp chí 雑誌		Đầu với chuỗi tie 雑誌は、ひも等で十文字に束ねて出してください。
Giấy gợn sóng ダンボール		Đầu với chuỗi tie ダンボールは、長い方が 60cm～80cm 位になるように折りたたみ、ひも等で十文字に束ねて出してください。
giấy thải 紙製容器包装	 Những người được đánh dấu マークのあるもの	Đặt trong một túi giấy hoặc túi nhựa 紙製容器包装は、紙の袋や箱などに入れて、ひも等で十文字に束ねて出してください。 汚れているものは、可燃ごみになります。
carton sữa 牛乳パック 飲料用紙パック	Hàng hóa mà không phải là chế biến nhôm 容器の内側が、アルミ箔等で加工されていないもの	Đầu với chuỗi tie Xin vui lòng đặt trong các thùng chứa máy nghiền rác 水ですすいで、切り開いて乾燥させてから出してください。 市役所や各地区コミュニティセンターの回収器に入れてください。
khay trắng 白色トレイ	chỉ có màu trắng 色物・柄物はプラスチック製容器包装として出してください。	Đầu với chuỗi tie Xin vui lòng đặt trong các thùng chứa máy nghiền rác テープやラップなどを取り除き、水ですすいでください。 スーパーなどの回収器に入れてください。

ごみ集積場所に出せないごみ

Irrecoverable chất thải

rác quá khổ 粗大ごみ	BỘ ĐỒ GIƯỜNG, bàn ghế, xe đạp, thùng rác lớn ふとん・家具・自転車などの指定ごみ袋に入らない 大きなごみ	Vận chuyển trực tiếp đến các trung tâm làm sạch, Thu thập cho phép nhà thầu (Phí sẽ được tính phí) 直接清掃センターに搬入するか、許可業者に収集依頼をしてください。 いずれも有料になります。
---------------------	--	--

ごみの出し方・分け方で分からないことなどは、事業主、アパートの管理人などにおたずねください。

Xin hãy lắng nghe để sử dụng lao động hoặc người chăm sóc cần hộ Nếu bạn không biết về việc xử lý rác thải

# ごみ収集日一覧表

ごみ集積場に出すもの  
Garbage collection station

地区 Huyện	町名 tên Town				可燃ごみ chất thải dễ cháy	不燃ごみ Nonburnable	ビン thùng rác	カン Lon	ペットボトル Chai lọ bằng nhựa	プラスチック製 容器包装 Đồ đựng bằng nhựa và bao bì	新聞 雑誌 ダンボール 紙製容器包装 bao, giấy
東部地区 Các huyện phía Đông	外川町 tokawa 君ヶ浜 kimigahama 高神西町 takagaminishi 小畑新町 kobatakeshin 笠上町 kasagami 愛宕町 atago-cho 本町 hon-cho 内浜町 uchibama 田中町 tanaka 飯沼町 iinuma 陣屋町 jinya-cho	外川台町 tokawadai 犬若 inuwaka 天王台 tennoudai 川口町 kawaguti 黒生町 kurohai 清水町 shimizu 仲町 naka-cho 港町 minato 新地町 shinchi 東町 higashi-cho 前宿町 maejuku	長崎町 nagasaki 潮見町 siomi-cho 高神原町 takagamihara 植松町 uematsu 海鹿島町 ashikajima 幸町 saiwai 通町 toori-cho 竹町 take-cho 浜町 hama-cho 馬場町 baba-cho	犬吠埼 inubousaki 高神東町 takagamihiga 小畑町 kobatake 明神町 myoujin 榊町 sakaki-cho 弥生町 yayoi 橋本町 hashimoto 和田町 wada 後飯町 gohan-cho 南町 minami-cho	毎週 水曜日 土曜日  MỖi THỨ TU THỨ BẢY	第2 月曜日  Tuần thứ hai thứ hai  第4 月曜日  Tuần thứ tư thứ hai	第1 木曜日  Tuần đầu tiên Thứ năm  第3 木曜日  Tuần thứ ba thứ năm	第1 月曜日  Đầu tiên thứ hai  第3 月曜日  Tuần thứ ba thứ hai	第2 木曜日  Tuần thứ hai thứ Năm  第4 木曜日  Tuần thứ tư thứ năm	毎週 金曜日  MỖi thứ Sáu	毎週 火曜日  Thứ Ba hàng tuần
中央地区 Central District	名洗町 naarai 末広町 suehiro 東芝町 higashishiba 大橋町 oohashi 清川町 kiyokawa-cho 南小川町 minamiogawa 上野町 ueno-cho 長塚町 nagatsuka	粟島町 awashima 双葉町 futaba 西芝町 nishishiba 三軒町 sangen-cho 八幡町 hyahata 北小川町 kitaogawa 三崎町 misaki-cho 松岸見晴台 matsugishimiha	新生町 araoi 妙見町 myouken-cho 栄町 sakae-cho 唐子町 karako 東小川町 higashiogawa 春日町 kasuga 松本町 matsumoto 垣根見晴台 kakinemiharash	中央町 chuuou 台町 dai-cho 若宮町 wakamiya 今宮町 imamiya 西小川町 nishiogawa 春日台町 kasugadai 本城町 honjou	毎週 火曜日 金曜日  Thứ Ba hàng tuần thứ sáu	第1 水曜日  Các thứ tư đầu tiên  第3 水曜日  tuần thứ 3 thứ tư	第2 土曜日  Tuần thứ hai Thứ bảy  第4 土曜日  Tuần thứ tư thứ bảy	第2 水曜日  Tuần thứ hai thứ tư  第4 水曜日  Tuần thứ tư thứ tư	第1 土曜日  Thứ bảy đầu tiên  第3 土曜日  Tuần thứ ba thứ bảy	毎週 月曜日  Thứ hai hàng tuần	毎週 木曜日  Thứ Năm hàng tuần
西部地区 Huyện Tây của	松岸町 matsugishi 四日市場台 yokkaichibadai 高野町 takano 三門町 mikado 白石町 shiraishi 塚本町 tsukamoto 長山町 nagayama 笹本町 sasamoto 宮原町 miyabara 常世田町 tokoyoda	垣根町 kakine 余山町 yoyama 芦崎町 ashizaki 中島町 nakajima 新町 shin-cho 忍町 shinobi 小長町 konaga-cho 豊里台 toyosatodai 八木町 yagi-cho	柴崎町 shibasaki 三宅町 miyake 高田町 takada 正明寺町 syoumyouji 野尻町 nojiri 猿田町 saruda 富川町 tomikawa 桜井町 sakurai 小浜町 obama	四日市場町 yokkaichiba 赤塚町 akatsuka 岡野台町 okanodai 船木町 funaki 小船木町 kobunaki 茶畑町 chabatake 森戸町 morito 諸持町 moromochi 親田町 oyada	毎週 月曜日 木曜日  Thứ hai hàng tuần thứ năm	第2 金曜日  Tuần thứ hai thứ Sáu  第4 金曜日  Tuần thứ tư thứ sáu	第2 火曜日  Thứ ba của tuần thứ hai  第4 火曜日  Tuần thứ tư thứ ba	第1 金曜日  Thứ sáu đầu tiên  第3 金曜日  Tuần thứ ba thứ sáu	第1 火曜日  Thứ Ba đầu tiên  第3 火曜日  Tuần thứ ba thứ ba	毎週 水曜日  MỖi thứ tư	毎週 土曜日  Thứ bảy hàng tuần

1月の収集日は、変わる場合があります。

Tháng Giêng là khả năng thay đổi

拠点回収するもの Điểm	回収器がある場所 Khi hộp bộ sưu tập năm
牛乳パック・飲料用紙パック carton sữa	市役所、青少年文化会館、西部支所、豊里出張所、豊岡出張所、市民センター、勤労コミュニティセンター、中央コミュニティセンター、高神コミュニティセンター、東部コミュニティセンター、海上コミュニティセンター tòa thị chính, nhà văn hoá, các West Branch, Chi nhánh của Toyosato, Chi nhánh của Toyooka, trung tâm công dân, Trung tâm Cộng đồng "Công nhân" Trung tâm cộng đồng Trung Ương, Trung tâm cộng đồng Thiên Chúa cao, Trung Tâm Cộng Đồng Đông Đông, Trung tâm cộng đồng Hàng hải
白色トレイ khay trắng	マルトモ商店 (諸持町)、イシダストア (清川町)、フレッシュオガワ (本城町) "Marutomo" cửa hàng (moromochi)、"Ishida" cửa hàng (kiyokawa-cho)、Cửa hàng Ogawa (honjou)